

## **ĐỀ ÁN**

### **Quy hoạch và phát triển đô thị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030**

#### **Phần mở đầu**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Sau hơn 30 năm tái lập huyện, với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện nhà, tình hình kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn và đô thị ngày càng khởi sắc, nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp.

Quy hoạch là việc định hướng phát triển lâu dài về tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, môi trường và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng mục tiêu phát triển; là sở sở để lãnh đạo của cấp ủy, chỉ đạo của chính quyền. Đồng thời quy hoạch là tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM cấp xã, cấp huyện. Tuy nhiên đến nay công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, các đồ án quy hoạch nông thôn mới các xã giai đoạn 2011-2020 đã hết hiệu lực, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn chưa đáp ứng nhu cầu đất ở của nhân dân và xu hướng đô thị hóa nông thôn; quy hoạch xây dựng vùng huyện chưa được triển khai, nhiều quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch điện, quy hoạch giao thông, quy hoạch thủy lợi...) chưa được rà soát, tích hợp vào quy hoạch xây dựng vùng huyện; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2015-2020 đã hết hiệu lực; quy hoạch chung thị trấn Khe Tre còn nhiều hạn chế, chưa xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, thiếu quy chế quản lý quy hoạch; quy hoạch chi tiết đô thị còn thiếu, chưa xây dựng quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

Thị trấn Khe Tre là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, xã hội của huyện; bên cạnh những kết quả đạt được về chính trang, đô thị vẫn còn những hạn chế về hạ tầng kỹ thuật, nhiều tuyến đường chưa được đầu tư, hệ thống thoát nước thiếu đồng bộ, vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh còn thiếu. Xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị”, một số nội dung về xây dựng đô thị thông minh và nghiên cứu điều chỉnh mở rộng thị trấn Khe Tre để tăng tỷ lệ đô thị hóa là những nội dung quan trọng cần được nghiên cứu, đánh giá để lãnh đạo, chỉ đạo.

Để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nam Đông lần XVI, xây dựng huyện Nam Đông đạt chuẩn huyện NTM cần phải lập Đề án quy hoạch và phát triển đô thị làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo lập và quản lý các quy hoạch cấp huyện, cấp xã; nâng cao chất lượng đô thị và xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “văn minh đô thị”.

## II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Luật Quy hoạch đô thị số 01/VBHN-VPQH ngày 20 tháng 7 năm 2015;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị (gọi tắt là Nghị quyết 1210);
- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, xây dựng đô thị và xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;
- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án “Xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;
- Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai thực hiện Đề án “xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh thừa thiên huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 54/2010/QĐ - UBND ngày 20 tháng 12 năm 2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quy hoạch xây dựng - kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh về ban hành quy định về công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

- Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nam Đông lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI.

### **III. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN**

Phạm vi thực hiện của Đề án này bao gồm thực hiện nhiệm vụ quy hoạch và phát triển đô thị, cụ thể như sau:

1. Quy hoạch: Lập và quản lý các đồ án quy hoạch cấp huyện gồm Quy hoạch xây dựng vùng huyện giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Quy hoạch thị trấn Khe Tre bao gồm điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre giai đoạn 2020-2030, quy hoạch chi tiết một số phân khu thị trấn Khe Tre, lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Khe Tre. Quy hoạch các xã gồm Quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn.

2. Phát triển đô thị: Rà soát, đánh giá chất lượng đô thị theo Nghị quyết 1210/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 13 về phân loại đô thị và đề xuất giải pháp khắc phục các tiêu chí, nội dung chưa đạt yêu cầu. Đánh giá mức độ “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” theo Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và thực hiện các giải pháp xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị”.

### **Phần thứ nhất**

## **THỰC TRẠNG QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

### **I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG**

#### **1. Điều kiện tự nhiên**

Nam Đông là huyện miền núi ở về phía Tây Nam thành phố Huế, cách trung tâm thành phố Huế 50 km, cách thành phố Đà Nẵng 60km. Tổng diện tích đất tự nhiên 64.782,1 ha; trong đó đất nông nghiệp 62.146,44 ha, đất phi nông nghiệp 2.451,033 ha, đất chưa sử dụng 184,65 ha (Số liệu Phòng Tài nguyên MT tháng 8/2021). Khí hậu chia làm 2 mùa, mùa khô từ tháng 2 đến tháng 8;

mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau; nhiệt độ bình quân  $25,4^{\circ}\text{C}$ , lượng mưa bình quân 3.600 mm.

## 2. Điều kiện Kinh tế - Xã hội

Toàn huyện có 10 đơn vị hành chính, trong đó có 9 xã và thị trấn Khe Tre. Tình hình kinh tế- xã hội đến cuối năm 2020 (nguồn số liệu Niên giám Thống kê và Báo cáo kinh tế xã hội năm 2020 của UBND huyện) như sau:

- *Dân số, lao động*: Tổng dân số là 26.196 người; trong đó nam 13.297 người. Số người trong độ tuổi lao động tham gia trong các ngành kinh tế 16.212 người. Cơ cấu lao động Nông Lâm- Thủy sản có 10.332 lao động (63,8%); Công nghiệp, TTCN có 1.295 lao động (8%); Thương mại, Dịch vụ có 3.760 lao động chiếm 23,2%; các ngành nghề khác 825 lao động (5,08%).

- *Kinh tế*: Tổng giá trị sản xuất đạt 1.544,9 tỷ đồng (giá cố định), trong đó, giá trị sản xuất ngành Nông lâm nghiệp, thủy sản 490,6 tỷ đồng; Công nghiệp, xây dựng 590,4 tỷ đồng; Thương mại, dịch vụ 463,9 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế ngành Nông lâm thủy sản chiếm 44,05%; Công nghiệp, xây dựng chiếm 23,03%, Thương mại dịch vụ chiếm 32,91%. Thu nhập bình quân đầu người 41,2 triệu đồng, tổng sản lượng lương thực có hạt 4.695,4 tấn; tổng giá trị đầu tư phát triển trên địa bàn là 457 tỷ đồng, tổng thu ngân sách trên địa bàn 29,2 tỷ đồng.

- *Xã hội*: Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 14,5%, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia 4,65%, tỷ lệ lao động qua đào tạo 45,47% (có chứng chỉ 25,8%), tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 9,9%, tỷ lệ người dân tham gia BHYT 96,45%, lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH 20,25%. Có 25 trường đạt chuẩn quốc gia (MN 10 trường, TH 10 trường, THCS 4 trường và THPT 01 trường), trong đó có 05 trường đạt chuẩn mức độ 2. Hệ thống các cơ sở chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được xây dựng khá đồng bộ, có Trung tâm Y tế tại trung tâm huyện và 10 Trạm Y tế tại các xã, thị trấn.

- *Chỉ tiêu môi trường*: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý 95,1% (KH 95%), tỷ lệ hộ dùng nước sạch 59,26%, tỷ lệ độ che phủ rừng 83,4%.

- *Xây dựng nông thôn mới*: Có 7 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 01 thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Hạ tầng*: Tuyến đường cao tốc La Sơn - Túy Loan đi qua địa bàn huyện, đường từ huyện về trung tâm các xã được nhựa hóa 100%. Hệ thống điện nông thôn được đầu tư đồng bộ, phủ khắp; hệ thống điện chiếu sáng trung tâm xã đạt

100%; hệ thống nước sạch từng bước được đầu tư, có nhà máy nước Khe Tre công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nhà máy nước Thượng Long có công suất 2.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

## **II. THỰC TRẠNG QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

### **1. Những kết quả đạt được**

#### ***1.1. Quy hoạch và quản lý quy hoạch***

- *Quy hoạch nông thôn:* Tất cả các xã đều có quy hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020 được UBND huyện phê duyệt, có quy định quản lý quy hoạch, có công bố và công khai quy hoạch làm cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo, lập kế hoạch đầu tư trung hạn, đăng ký vốn chương trình mục tiêu xây dựng NTM và triển khai thực hiện. Đồ án cơ bản thể hiện rõ các phân khu sản xuất, dân cư, trung tâm xã; hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM giai đoạn 2011-2020. Phần lớn các xã đều tuân thủ pháp luật về quy hoạch và quản lý quy hoạch, triển khai thực hiện cơ bản đúng đồ án được phê duyệt, kịp thời điều chỉnh một số nội dung chưa phù hợp, nhiệm vụ phát sinh đúng quy định.

- *Quy hoạch đô thị:* Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020. UBND huyện Nam Đông đã có thông báo số 82/TB-UBND ngày 15/6/2020 về việc công bố và tổ chức công bố Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre. Sau khi công bố quy hoạch được phê duyệt, các hoạt động quản lý đất đai, lập kế hoạch đầu tư trung hạn, quản lý các dự đầu tư xây dựng, chỉnh trang, quản lý trật tự xây dựng và đô thị đều tuân thủ đúng nội dung đồ án. Bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, chất lượng vệ sinh môi trường đô thị được nâng lên góp phần xây dựng đô thị ngày càng văn minh, hiện đại.

- *Các quy hoạch chuyên ngành được quan tâm thực hiện Quy hoạch giao thông vận tải* huyện Nam Đông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được HĐND huyện thông qua tại Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 và UBND huyện phê duyệt tại quyết định 591/QĐ-UBND ngày 16/6/2017. *Quy hoạch điện lực* huyện Nam Đông đến năm 2020 được lập năm 2013, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 12/02/2014. Quy hoạch tổng thể thủy lợi huyện Nam Đông đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được UBND huyện đã phê duyệt tại Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 06/02/2015.

- *Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:* Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015), áp dụng thời kỳ 2011-2020 được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 06/5/2014. Đã điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, áp

dụng giai đoạn 2016-2020 được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định phê duyệt tại Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 03/4/2019. Công bố công khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Nam Đông. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và công tác quản lý sử dụng đất dần đi vào nề nếp, đáp ứng nhu cầu về đất đai cho phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

## ***1.2. Phát triển đô thị Khe Tre***

### **- Về chất lượng đô thị**

+ *Về vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế- xã hội:* Thị trấn Khe Tre là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của huyện. Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 52,3 triệu đồng, cao hơn mức bình quân thu nhập đầu người cả nước (bình quân cả nước năm 2020 là 50,4 trđ). Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ tăng; tỷ trọng nông lâm thủy sản ngày càng giảm. Mức tăng trưởng kinh tế đạt khá cao (10,1%/ năm), tỷ lệ hộ nghèo giảm ấn tượng (còn 1%).

+ *Về dân số, lao động:* Tỷ lệ tăng dân số mức trung bình ( 1,1%), tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khá cao (91,9%). Tỷ lệ tăng dân số mức trung bình ( 1,1%).

### *+ Trình độ phát triển hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan đô thị:*

Hạ tầng xã hội cơ bản đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt tỷ lệ trên 97%, tỷ lệ đất dân dụng khá cao (413 m<sup>2</sup>/người), đất xây dựng công trình công cộng đô thị đạt cao (6,1 m<sup>2</sup>/ người), có đầy đủ cơ sở giáo dục cho các cấp học, có đủ các công trình văn hóa- thể thao phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân. Cơ sở thương mại đáp ứng đủ nhu cầu mua bán hàng hóa.

Hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư. Đường giao thông được đầu tư xây dựng, nâng cấp 20 tuyến đường chính, đã đặt tên 18 tuyến đường, tổng chiều dài 14,4 km; trong đó đường được thảm nhựa 13,8km (95,83%), đường bê tông 0,6km. Vía hè được lát gạch Terrazoo gồm 10 tuyến, chiều dài 8,2 km (56,9%). Đường chính có hệ thống thoát nước xây dựng kiên cố gồm 13 tuyến, chiều dài 8,7 km (60,4%). Đường có hệ thống chiếu sáng 16 tuyến, chiều dài 12 km (83,3%). Đường có trồng cây xanh đạt yêu cầu gồm 13 tuyến, chiều dài 7 km (48,61%). Đường đạt chuẩn 4 tiêu chí (mặt đường, vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh) như sau: Đạt 4 tiêu chí gồm 7 tuyến, dài 7,1km (49,31%); đạt 3 tiêu chí gồm 3 tuyến, dài 2,3 km (15,9%), đạt 2 tiêu chí gồm 5 tuyến, dài 2,8 km (19,4%); đạt 1 tiêu chí gồm 3 tuyến, dài 1,7 km (11,8%); chưa có tiêu chí

nào đạt gồm 2 tuyến, dài 0,5 km (3,47%). Tuyến đường Khe Tre (trục chính) chiều dài 2,6km, nền đường đường 26m, gồm 4 làn xe chạy; vỉa hè, con lươn được trồng cây xanh theo quy hoạch, điện chiếu sáng bóng led...đã tạo ra điểm nhấn đô thị. Hạ tầng cấp điện, cấp nước sinh hoạt, bưu chính- viễn thông, văn hóa, trụ sở làm việc...được đầu tư đúng quy hoạch, khang trang. Các kè chống sạt lở bờ sông Tả Trạch được quan tâm đầu ở các vị trí xung yếu...

- **Về xây dựng thị trấn đạt chuẩn “Văn minh đô thị”.**

+ *Về quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch:* Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đã được UBND tỉnh phê duyệt và đã được công bố, công khai rộng rãi. Các công trình công cộng, hành chính, văn hóa- xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đã xây dựng khoảng 70% theo quy hoạch. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về xây dựng. Tất cả các công trình xây dựng thuộc đối tượng cấp giấy giấy phép xây dựng đều được cấp theo đúng quy định. Kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về xây dựng. Không có tình trạng lấn chiếm đất công, sử dụng công trình công cộng sai mục đích. Cung cấp thông tin quy hoạch kịp thời cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ *Nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, Tổ dân phố văn hóa:* Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận “gia đình đạt chuẩn văn hóa” 3 năm liên tục trở lên đạt 98,4%. Tổ dân phố 5 được công nhận Tổ dân phố văn hóa 6 năm liên tục.

+ *Xây dựng nếp sống văn minh:* Thường xuyên nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, phát động phong trào “chủ nhật xanh”, nhân dân hưởng ứng tích cực, vận động hộ gia đình vệ sinh các tuyến đường hàng ngày, huy động lực lượng ra quân quét dọn ở các vị trí không có dân cư; bố trí 166 thùng đựng rác ở 36 điểm; tổ chức thu gom, vận chuyển rác 2 ngày/lần; tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đạt 100%. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện tốt nếp sống văn minh đô thị đạt trên 80%. Tinh thần tương thân tương ái, giúp nhau phát triển sản xuất, giảm nghèo được phát huy.

+ *Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao:* Phối hợp sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa thể thao của huyện và của thị trấn. Phong trào văn hóa, thể thao được tổ chức định kỳ theo kế hoạch, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Thực hiện khá tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông.

+ *Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.* Thực hiện khá tốt việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật; xây dựng và thực hiện khá tốt các quy ước của cộng đồng, quy chế dân chủ ở cơ sở, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

### **2.1. Quy hoạch và quản lý quy hoạch**

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện (tiêu chí số 1 trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng NTM cấp huyện) được quy định trong Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 nhưng chưa được triển khai.

- Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác vẫn còn một số nội dung chưa thực sự thống nhất, công tác dự báo nhu cầu sử dụng đất chưa sát thực tiễn. Chủ trương của cấp trên lập Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 chậm, hiện đang giai đoạn lập và phê duyệt nhiệm vụ và dự toán.

- Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre phát sinh một số bất cập khó thực hiện. Chưa có quy hoạch chi tiết; chưa xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch chung và quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

- Quy hoạch nông thôn mới của các xã giai đoạn 2011-2020 đã hết hiệu lực nhưng chưa rà soát, đánh giá, lập quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030.

- Chưa có quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn đáp ứng nhu cầu đất ở của nhân dân và thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở cho các hộ chính sách theo quy định của Nhà nước.

### **2.2. Phát triển đô thị**

- *Chất lượng phát triển đô thị:* So với Nghị quyết 1210/UBTVQH13, Điểm chất lượng đô thị còn thấp, tổng cộng đạt 65,75 điểm (khung điểm chuẩn đô thị loại V từ 75-100 điểm), trong đó: Tiêu chí 1- Cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế xã hội đạt 17 điểm (tối thiểu 15 điểm- tối đa 20 điểm), Tiêu chí 2- Quy mô dân số đạt 5 điểm (tối thiểu 6 điểm- tối đa 20), Tiêu chí 3- Mật độ dân số đạt 3 điểm (tối thiểu 4,5 điểm- tối đa 6 điểm), Tiêu chí 4- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 6 điểm (tối thiểu 4,5 điểm- tối đa 6), Tiêu chí 5- Trình độ phát triển hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan đô thị đạt 35 điểm (tối thiểu 43 điểm- tối đa 60).

Một số nội dung chưa đạt và đạt còn thấp đó là dân số và mật độ dân số chưa đạt mức tối thiểu, chưa đảm bảo cân đối thu chi ngân sách, diện tích nhà ở bình quân còn thấp. Một số nội dung về hạ tầng đô thị chưa đáp ứng yêu cầu như tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng, mật độ đường giao thông, diện tích đất giao thông bình quân đầu người, tỷ lệ ngõ xóm được chiếu sáng, mật độ đường công thoát nước; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý an toàn, tỷ lệ đất cây xanh khu vực nội thị, quy chế quản lý quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, tỷ lệ “tuyên phố đạt chuẩn văn minh đô thị”; diện tích đất khu vực nội thị ít (xem Phụ lục 6).



- *Xây dựng thị trấn đạt chuẩn “ Văn minh đô thị”*: Đánh giá mức độ thị trấn Khe Tre đạt chuẩn So với Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Công văn số 1000/HD-SVHTT ngày 07/12/2016 của Sở Văn hóa và Thể thao đạt 158 điểm (điểm tối thiểu 180 điểm, điểm tối đa 200 điểm), chưa đạt chuẩn “Văn minh đô thị”. Các nội dung chưa đạt đạt thấp gồm: Quy hoạch chi tiết đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị; cải tạo, chỉnh trang làm đẹp nhà ở, các trụ sở. Xây dựng Tổ dân phố được công nhận Tổ dân phố văn hóa đạt 3 TDP/ 5 TDP. Một số TDP chưa có điểm sinh hoạt văn hóa- thể thao chỉ đạt 5/10 điểm; duy trì các hoạt động văn nghệ quần chúng, hoạt động câu lạc bộ, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian đạt 5/10 điểm (xem phụ lục 7).

## **Phần 2**

### **MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

##### **1. Mục tiêu**

Lập đầy đủ, có chất lượng các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh; quản lý quy hoạch đúng quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng đô thị, xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị” góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng huyện Nam Đông đạt chuẩn “Huyện nông thôn mới”.

##### **2. Chỉ tiêu**

###### **- Chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025:**

+ 100% các quy hoạch cấp huyện, cấp xã, thị trấn giai đoạn 2021-2030 định hướng đến 2050 được lập đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của huyện.

+ 100% các đồ án quy hoạch được phê duyệt đều có lập kế hoạch thực hiện quy hoạch, quy định quản lý quy hoạch.

+ Xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị” trước năm 2024.

+ Nâng cao chất lượng đô thị Khe Tre, phấn đấu nâng mức điểm đô thị đạt 85 điểm trở lên theo khung đánh giá của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13 (hiện nay là 65,75 điểm).

**- Chỉ tiêu giai đoạn 2025-2030:**

+ 100% các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch sử dụng đất được rà soát, đánh giá, điều chỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh.

+ 100% các kế hoạch thực hiện quy hoạch, quy định quản lý quy hoạch được rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

+ Duy trì thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị”.

+ Nâng cao chất lượng đô thị Khe Tre, phấn đấu nâng mức điểm đô thị đạt 88 điểm trở lên theo khung đánh giá của Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 13.

## **II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

### **1. Lập và quản lý các đồ án quy hoạch**

#### ***1.1. Lập và quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến 2050.***

Lập và quản lý quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp Luật Quy hoạch và Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật có liên quan. Nội dung chủ yếu gồm phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, xác định mục tiêu phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng. Dự báo phát triển các giai đoạn phát triển 10 năm, 20 năm; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển. Định hướng phát triển không gian vùng, đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng. Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, dịch vụ, bảo tồn, các khu chức năng đặc thù. Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn, mô hình phát triển phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội. Xác định quy mô, mạng lưới, vị trí các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế, xã hội vùng. Dự báo xu thế các vấn đề môi trường và giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường. Thời gian thực hiện hoàn thành quý I năm 2022.

Xây dựng Quy định quản lý đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Nội dung chủ yếu quy định về các vùng, không gian phát triển; quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn; biện pháp bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình mang tính chất vùng, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng. Phân công trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp ngành, chính quyền địa phương; thời gian hoàn thành quý I năm 2022.

### ***1.2. Lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030***

Rà soát, triển khai Lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Nam Đông theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành; đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn; phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, phân bổ quỹ đất, lập kế hoạch sử dụng đất phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, nguồn lực đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; thời gian thực hiện hoàn thành quý I năm 2022.

### ***1.3. Điều chỉnh, quản lý quy hoạch chung thị trấn Khe Tre***

Rà soát điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đối với các nội dung bất cập khó thực hiện, không thể có nguồn lực, các nội dung phát sinh do ảnh hưởng bởi các yếu tố phát triển kinh tế xã hội (ảnh hưởng đường cao tốc...) nhưng đảm bảo sự phát triển hài hòa về không gian, kiến trúc, cảnh quan trước mắt và lâu dài; thời gian thực hiện hoàn thành quý I năm 2022.

Lập kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre giai đoạn 2021-2030; lựa chọn, sắp xếp các nội dung theo thứ tự ưu tiên, dự kiến nguồn lực đảm bảo thực hiện kế hoạch, huy động tối đa các nguồn vốn, gắn với kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030; thời gian hoàn thành quý II năm 2022.

Xây dựng Quy định quản lý quy hoạch chung thị trấn Khe Tre đúng quy định của Luật Quy hoạch đô thị làm cơ sở để quản lý quy hoạch. Thời gian hoàn thành 30/4/2022.

Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc đô thị đảm bảo quản lý kiến trúc xây dựng, cảnh quan, hài hòa với không gian và chức năng của đô thị. Quy trình, nội dung theo quy định của Luật Kiến trúc và văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; thời gian hoàn thành quý II năm 2022.

### ***1.4. Quy hoạch chi tiết đô thị***

Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 với khoảng 10% diện tích đất xây dựng đô thị (khoảng 20 ha). Ưu tiên quy hoạch chi tiết các khu dân cư mới, các khu dân cư ở hai bên suối Tả Trạch, Le No và các khu dự kiến mở rộng thị trấn Khe Tre sau năm 2025. Nội dung quy hoạch chi tiết các phân khu đô thị quy định Luật Quy hoạch đô thị và các văn bản hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị; thời gian hoàn thành quý IV năm 2023.

### ***1.5. Lập quy hoạch chung xây dựng xã và quản lý quy hoạch***

Lập và quản lý quy hoạch chung xây dựng xã đáp ứng tiêu chí số 1 của Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025. Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng. Nội dung chủ yếu phân tích, đánh giá về điều kiện tự

nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kinh tế, xã hội, môi trường; hiện trạng xây dựng và sử dụng các công trình. Quy hoạch không gian tổng thể toàn xã, xác định cơ cấu phân khu chức năng (khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khu dân cư mới, khu vực làng xóm cũ cải tạo, khu trung tâm xã). Quy hoạch hệ thống công trình công cộng, xây dựng nhà ở, bảo tồn công trình văn hóa lịch sử. Dự kiến sử dụng đất xây dựng toàn xã theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn; dự báo tác động môi trường và biện pháp phòng ngừa. Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; sơ bộ nhu cầu vốn. Xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch chung xây dựng xã. Thời gian hoàn thành lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã hoàn thành quý II năm 2022.

### ***1.6. Lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn***

Lập quy hoạch chi tiết các Điểm dân cư nông thôn theo Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn phục vụ nhu cầu đất ở, tái định cư, hỗ trợ đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định. Số lượng ít nhất 9 Điểm dân cư nông thôn trên địa bàn 9 xã. Ưu tiên quy hoạch các điểm dân cư nông thôn tại xã Thượng Long, xã Hương Hữu theo Đề án phát triển Kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn theo đúng nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Thực hiện sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và thời gian dự kiến hoàn thành quý III năm 2023.

## **2. Phát triển đô thị**

### ***2.2. Nâng cao chất lượng đô thị***

Tiếp tục duy trì các nội dung, tiêu chí đã đạt so với Nghị quyết 1210/UBTVQH13. Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao các nội dung, tiêu chí đạt thấp như sau:

- Nâng cao trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Phát huy lợi thế phát triển ngành dịch vụ, thương mại, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, liên kết phát triển chuỗi sản xuất gắn liền giữa đô thị Khe Tre với các xã lân cận; mở rộng không gian phát triển thương mại, bố trí mặt bằng lợi thế kinh doanh dọc các tuyến đường chính theo đúng quy hoạch chung được phê duyệt; xây dựng chợ phiên...nhằm góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, nâng cao thu nhập bình quân đầu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo và tăng thu ngân sách, giảm dần mất cân đối ngân sách.

- Tăng dân số và mật độ dân số: Tiếp tục quy hoạch các khu dân cư, hướng dẫn chính sách đất đai để chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở, tăng diện tích đất ở đô thị. Đồng thời gắn liền với các giải pháp phát

triển sản xuất, tạo việc làm, ổn định đời sống nhân dân góp phần tăng mật độ dân số đô thị, tăng 01 điểm

- Phát triển hạ tầng, kiến trúc, cảnh quan đô thị: Vận động chỉnh trang nhà cửa, tăng diện tích nhà ở bình quân đầu người từ 24 m<sup>2</sup>/ người lên 26 m<sup>2</sup>/người (tăng 0,75 điểm). Đầu tư hạ tầng giao thông đô thị, khuyến khích mở đường, phân lô đất ở đối với các hộ gia đình có quỹ đất lớn, tăng tỷ lệ diện tích đất giao thông so với diện tích đất xây dựng lên 11% (tăng 0,75 điểm); tăng mật độ đường giao thông có bề rộng phần xe chạy từ 7,5m trở lên đạt 3,3 km/km<sup>2</sup> lên 4 km/km<sup>2</sup>. Tăng diện đất giao thông từ 4,8 m<sup>2</sup>/người lên 5 m<sup>2</sup>/người (tăng 0,75 điểm). Mở rộng mạng lưới điện chiếu sáng, tăng tỷ lệ chiếu sáng ở các đường ngõ xóm từ 25% lên trên 50% (tăng 1 điểm). Cải tạo hệ thống thoát nước theo kế hoạch, đưa mật độ đường cống thoát nước chính từ 2,06 km/km<sup>2</sup> lên 2,5 km/km<sup>2</sup> (tăng 1 điểm). Thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại trên 85% (tăng 0,25 điểm). Quy hoạch chi tiết, phát triển cây xanh vùng nội thị từ 2 m<sup>2</sup>/người lên 3 m<sup>2</sup>/người (tăng 1 điểm). Lập và thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc đô thị đúng quy định (tăng 2 điểm). Xây dựng 30% tuyến phố đạt chuẩn “Văn minh đô thị” (tăng 2 điểm); mở rộng các không gian công cộng, sắp xếp, lồng ghép các điểm văn hóa, thể thao của huyện với thị trấn đảm bảo nhu cầu (tăng 1 điểm).

- Triển khai thực hiện Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh về ban hành quy định về công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Xây dựng 50% các tuyến đường ( khoảng 10 tuyến) đạt chuẩn “Văn minh đô thị”; tập trung thực hiện các nội dung quản lý kiến trúc cảnh quan, xây dựng quy chế quản lý kiến trúc, quản lý cấp phép xây dựng; quản lý công trình văn hóa, công viên, nghĩa trang. Quản lý vỉa hè, lòng đường đảm bảo trật tự đô thị và an toàn giao thông; kẻ vạch sơn lòng đường, vỉa hè, khu vực buôn bán, bảng quảng cáo, biển hiệu các cơ sở kinh doanh; chăm sóc cây xanh, lựa chọn loài hoa, phát động nhân dân trồng hoa; lắp đặt đầy đủ biển báo giao thông, quy định bãi đỗ xe, quản lý việc đỗ xe. Rà soát, nâng cấp hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc đạt chuẩn. Tăng cường vệ sinh môi trường, thực hiện phân loại rác tại nguồn, tăng tỷ lệ thu gom rác thải rắn, tiếp tục duy trì hiệu quả phong trào Ngày chủ nhật xanh; thực hiện tốt bộ tiêu chí đánh giá phường, xã, thị trấn đạt “xanh, sạch, sáng”; vận động chỉnh trang trụ sở, nhà ở và một số nội dung khác.

- Đầu tư các dự án trọng điểm về chỉnh trang đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị theo Quy hoạch chung thị trấn Khe Tre và kế hoạch thực hiện quy hoạch chung thị trấn Khe Tre giai đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt. Tập trung các công trình giao thông nội thị tạo điểm nhấn ở khu trung tâm, các tuyến kết nối khu vực suối Le No, chỉnh trang vỉa hè các tuyến đường chính. Đầu tư nâng cấp hệ thống thoát nước, tập trung

TDP 1; đầu tư hạ tầng các khu quy hoạch dân cư ven sông Tả Trạch, kè chống sạt lở bờ sông Tả Trạch từ Trung tâm Y tế đến Le No; xây dựng đập tràn tạo mặt nước sinh thái ở khu vực cầu Khe Tre. Chinh trang các công viên, lựa chọn loài cây xanh phù hợp, trồng bổ sung cây xanh ở các tuyến đường còn thiếu, đòi Chiến tích lịch sử Khe Tre; thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh của Chính phủ và Đề án xây dựng Thừa Thiên Huế thành xứ sở Mai vàng của Việt Nam trên địa thị trấn. Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng, thay dần bóng sợi đốt bằng bóng led. Chinh trang chợ Khe Tre, xây dựng chợ Khe Tre đạt chuẩn “chợ văn minh thương mại”. Nâng cấp, chinh trang hạ tầng điện, viễn thông đảm bảo mỹ quan đô thị, từng bước ngầm hóa một số hạ tầng điện, viễn thông ở các khu mới, nơi có điều kiện. Chất lượng đô thị đạt 85 điểm so với Nghị quyết 1210/UBTVQH13 vào quý I năm 2024. ( chi tiết ở Phụ lục 3).

## ***2.2. Xây dựng thị trấn trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị”***

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung của Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục công nhận “ Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”; Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 13/11/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án “Xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” và Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 23/01/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai thực hiện đề án “xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Duy trì các tiêu chuẩn, nội dung đã đạt, tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, phấn đấu đạt chuẩn các nội dung sau để xây dựng thị trấn trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị” trước năm 2024.

-*Quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch*: Tập trung điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Khe Tre, quy hoạch chi tiết các phân khu trình UBND tỉnh phê duyệt và công khai rộng rãi ( tăng 1,7 điểm); đầu tư các công trình xây dựng mới theo quy hoạch được duyệt và kế hoạch trung hạn (tăng 1 điểm); phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong quản lý quy hoạch, kiến trúc, xây dựng ( tăng 0,5 điểm); lồng ghép, khai thác có hiệu quả các công trình công cộng (tăng 0,5 điểm).

- *Nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, Tổ dân phố văn hóa*: Duy trì kết quả gia đình văn hóa, tập trung xây dựng ít nhất có 4 Tổ dân phố được công nhận Tổ dân phố văn hóa (tăng 4 điểm); xây dựng 80% trở lên các cơ quan, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa ( tăng 2 điểm); đặt tên các tuyến đường còn lại, quản lý số nhà.

- *Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị*: Tập trung nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tốt nếp

sống văn minh; không vi phạm các hành vi bị cấm trong quy định nếp sống văn minh đô thị. Xây dựng mối quan hệ cộng đồng thân thiện, đoàn kết giúp nhau giảm nghèo, hợp tác phát triển (tăng 8-9 điểm).

- *Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao*: Củng cố các thiết chế văn hóa thể thao cấp thị trấn và các tổ dân phố, mua sắm cơ sở vật chất, xây dựng và thực hiện kế hoạch thực hiện phong trào, văn hóa thể thao (tăng 1 điểm). Duy trì các điểm văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên, thu hút đông đảo nhân dân tham gia (tăng 5 điểm). Nghiên cứu thành lập các câu lạc bộ văn hóa, thể thao; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao dân gian truyền thống có hiệu quả (tăng 5 điểm).

- *Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương*: Thực hiện tốt chính sách dân số- KHHGD, xây dựng và thực hiện tốt quy ước của cộng đồng; thành lập tổ tự quản và hoạt động thường xuyên; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt các chính sách xã hội. Xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng; không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp (tăng 1-2 điểm).

**3. Thực hiện một số nội dung xây dựng đô thị thông minh**: Thực hiện kết nối thông tin đô thị, thông tin quy hoạch với đô thị thông minh của tỉnh. Thực hiện lắp đặt camera giám sát giao thông, giám sát an ninh trật tự và xử phạt vi phạm hành chính. Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp hỗ trợ một số điểm phát wifi miễn phí trên địa bàn thị trấn phục vụ thông tin, giao dịch thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4. Đầu tư, thay thế công tắc điều khiển hệ thống điện chiếu sáng từ loại cơ sang loại cảm biến ánh sáng. Thực hiện một số nội dung xây dựng đô thị thông minh khác theo kế hoạch của UBND tỉnh (Phụ lục 4).

#### **4. Nghiên cứu, đề xuất mở rộng thị trấn Khe Tre**

Đề xuất xin chủ trương của UBND tỉnh về mở rộng thị trấn Khe Tre nhằm nâng cao tỷ lệ đô thị hóa. Thuê tư vấn lập nhiệm vụ và triển khai nghiên cứu Đề án mở rộng thị trấn Khe Tre theo hướng kế thừa, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững, lâu dài và hoàn thành trước tháng 12 năm 2024, trình UBND tỉnh xem xét trước quý I năm 2025 và trình Chính phủ xem xét trước quý II năm 2026.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tuyên truyền, vận động**

Tăng cường tuyên truyền, vận động đảm bảo thường xuyên, liên tục, đa dạng các hình thức. Vận động nhân dân, các cơ quan đơn vị chấp hành nghiêm pháp luật, hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, chủ trương xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn, xây dựng các

tuyến đường đạt chuẩn “văn minh đô thị”, xây dựng thị trấn đạt chuẩn “văn minh đô thị”. Tiếp tục vận động thực hiện các mô hình “Ngày Chủ nhật xanh - Hã hành động để Thừa Thiên Huế thêm xanh - sạch - sáng”; phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” gắn với phong trào thi đua “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “Nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần”. Nghiên cứu, ban hành quy định trách nhiệm của chính quyền, của người dân trong xây dựng thị trấn đạt chuẩn “Văn minh đô thị” và vận động nhân dân thực hiện.

Vận động nhân dân, doanh nghiệp tích cực đầu tư phát triển kinh tế, liên kết sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, hưởng ứng chương trình khởi nghiệp, hợp tác trong sản xuất, kinh doanh; đầu tư nhà ở, chỉnh trang công nông..

## **2. Phát huy vai trò, trách nhiệm của hệ thống chính trị**

Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn toàn; xây dựng và ban hành các kế hoạch cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương để tổ chức thực hiện. Hoàn thiện quy chế thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Tăng cường phối hợp, thực hiện Quy chế phối giữa UBND huyện với MTTQVN và các Đoàn thể chính trị xã hội của huyện; Quy chế phối giữa UBND xã, thị trấn với MTTQVN và các Đoàn thể chính trị xã hội của cấp xã.

## **3. Giao nhiệm vụ hàng năm**

UBND huyện phân công nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hàng năm. Phân công cụ thể từng chỉ tiêu, nội dung cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; phối hợp tuyên truyền vận động của MTTQVN huyện và các đoàn thể chính trị, xã hội cấp huyện; phân công trách nhiệm UBND các xã, thị trấn. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công lập kế hoạch triển khai nhiệm vụ được phân công. Đánh giá kết quả triển khai trong báo cáo đánh giá chất lượng hoạt động của tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân.

## **4. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, tư vấn có năng lực**

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ quy hoạch, quản lý quy hoạch, xây dựng và thực hiện quản lý quy hoạch, lập kế hoạch triển khai quy hoạch và nghiệp vụ về xây dựng thị trấn đạt chuẩn “văn minh đô thị” cho công chức chuyên môn. Tập huấn kỹ năng tuyên truyền, vận động thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “nếp sống văn minh đô thị và nông thôn”, xây dựng các tuyến đường đạt chuẩn “Văn minh đô thị”, xây dựng thị trấn đạt chuẩn “Văn minh đô thị”. Lựa chọn tư vấn có năng lực để lập các đề án quy hoạch, khảo sát, thiết kế các công trình trọng điểm có chất lượng, hiệu quả, phù hợp với quy định quản lý kiến trúc.



## 5. Huy động tổng hợp các nguồn vốn

Huy động tổng thể các nguồn vốn, bố trí và sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ ngân sách nhà nước theo kế hoạch đầu tư trung hạn. Tranh thủ nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nguồn vốn kiến thiết thị chính và các nguồn khác. Thực hiện tốt chủ trương đổi đất lấy hạ tầng, rà soát các điều kiện, lập kế hoạch và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch. Vận động các cơ quan, đơn vị đầu tư chính trang trụ sở. Các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh dịch vụ đầu tư chính trang nhà xưởng, hạ tầng kinh doanh, chính trang hạ tầng lưới điện, viễn thông, từng bước thực hiện ngầm hóa điện, viễn thông ở các khu dân cư mới. Huy động người dân đầu tư xây mới, nâng cấp nhà ở đạt chuẩn, kiên cố. Tranh thủ nguồn vốn của các doanh nghiệp đầu tư hạ tầng cấp điện, cấp nước, viễn thông theo quy hoạch, đúng quy chuẩn.

## 6. Sơ kết, tổng kết, khen thưởng động viên

UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ hàng năm nhằm rà soát, đánh giá kết quả đã làm được để phát huy; các công viên còn hạn chế, khuyết điểm để có giải pháp khắc phục. Chú trọng đánh giá nhân dân tham gia các phong trào, kịp thời phát hiện điển hình, tiến tiến, gương người tốt việc tốt để khen thưởng, động viên.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí thực hiện : 204.294 triệu đồng, trong đó :
  - Ngân sách Nhà nước : 119.294 triệu đồng.
    - + Ngân sách TW và Tỉnh : 60.404 triệu đồng ;
    - + Ngân sách huyện : 58.890 triệu đồng.
  - Doanh nghiệp và nhân dân : 85.000 triệu đồng.
  - Đầu tư theo lĩnh vực
    - + Quy hoạch và quản lý quy hoạch : 7.850 triệu đồng;
    - + Hạ tầng kỹ thuật đô thị : 188.254 triệu đồng;
    - + Dịch vụ công ích và nội dung khác : 8.190 triệu đồng.
- (Chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm).

### Phần 3

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch hàng năm triển khai các Nghị quyết, Đề án về quy hoạch và

quản lý đô thị. Tham mưu các văn bản chỉ đạo lập các đồ án quy hoạch đô thị, nông thôn đảm bảo tiến độ, chất lượng, phù hợp với định hướng và quy hoạch của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của huyện; hướng dẫn xây dựng và thẩm định quy hoạch, kế hoạch thực hiện các quy hoạch, các Quy chế quản lý các quy hoạch, quản lý lý kiến trúc đô thị; kiểm tra, báo cáo việc tuân thủ pháp luật về quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị. Phối hợp các ngành chức năng cấp huyện thẩm định điều chỉnh kế hoạch trung hạn; chủ trương đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn; thẩm định và đề xuất công nhận, công nhận lại các tuyến đường đạt chuẩn “văn minh đô thị”.

## **2. Phòng Văn hóa -TT-TT và Du lịch**

Chủ trì tham mưu UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định, đề xuất công nhận thị trấn đạt chuẩn “ Văn minh đô thị”; tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn các nội dung về văn hóa, thông tin, thể thao; đề xuất các vị trí, không gian phát triển du lịch, thu hút đầu tư phát triển ngành du lịch; rà soát các thiết chế văn hóa, thể thao và hạ tầng phục vụ phát triển văn hóa, thể thao, du lịch và truyền thông để đưa vào các đồ án quy hoạch các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội trong thời kỳ tới. Tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh về “xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” và triển khai thực hiện đúng kế hoạch.

## **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện triển khai kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025; huy động, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Đề án. Hằng năm, trên cơ sở dự toán của Tỉnh giao và khả năng cân đối ngân sách của địa phương để tham mưu UBND huyện phân bổ nguồn vốn thực hiện Đề án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

## **4. Phòng Nông nghiệp và PTNT**

Tham mưu rà soát quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2015-2030 để hợp nhất vào quy hoạch xây dựng vùng huyện giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2050, quy hoạch chung xây dựng xã giai đoạn 2021-2030. Định hướng không gian các vùng sản xuất nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi chủ lực, các vùng sản xuất tập trung, vùng ứng dụng công nghệ cao; công trình hạ tầng phục vụ sản xuất...để đưa vào các đồ án quy hoạch cấp huyện, cấp xã. Quản lý các nội dung quy hoạch nông nghiệp, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch, dự án thực hiện các nội dung về nông nghiệp.

## **5. Phòng Tài nguyên và Môi trường**

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050, lập kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu thực hiện các đề án quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn; phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, phân bổ quỹ đất phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện. Tham mưu về thu gom, xử lý rác thải rắn, rác thải nguy hại.

## **6. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội**

Phối hợp tham mưu các vấn đề thiết kế, thi công các công trình đô thị theo chính sách cho người khuyết tật. Phối hợp quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu tạo việc làm, giảm nghèo và chính sách hỗ trợ cho người nghèo, người có công và người yếu thế.

## **7. Phòng Dân tộc**

Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan rà soát đưa các nội dung cần thể hiện quy hoạch của Đề án phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số vào quy hoạch đề án quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả nội dung của đề án này với đề án phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## **8. Văn phòng HĐND-UBND huyện**

Tham mưu UBND huyện chỉ đạo các ngành lập kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Đề án về quy hoạch và phát triển đô thị, báo cáo tiến độ, sơ kết, tổng kết theo chương trình công tác của UBND huyện.

## **9. Ban Chỉ huy quân sự huyện và Công an huyện**

Phối hợp với các ngành trong công tác quy hoạch, kế hoạch đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tham mưu hướng dẫn, đưa các nội dung đảm bảo quốc phòng, an ninh trong xây dựng thị trấn đạt chuẩn “Văn minh đô thị”, trong quy ước xây dựng Tổ dân phố Văn hóa và tham gia thẩm định công nhận các nội dung liên quan quốc phòng, an ninh.

## **10. Ban QLDA xây dựng khu vực huyện**

Tham mưu triển khai các dự án xây dựng đúng quy hoạch, kế hoạch; quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

## **11. Ủy ban nhân dân thị trấn Khe Tre**

UBND thị trấn tham gia xây dựng các đề án quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng của

địa phương. Chủ trì lập các quy hoạch chi tiết thị trấn đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiến độ, chất lượng; xây dựng các kế hoạch thực hiện quy hoạch đúng hướng dẫn. Xây dựng kế hoạch hàng năm về xây dựng thị trấn Khe Tre đạt chuẩn “Văn minh đô thị”; phối hợp với các ngành chức năng nâng cao chất lượng đô thị Khe Tre đạt chỉ tiêu đề ra. Định kỳ rà soát, đánh giá, báo cáo tình hình quy hoạch, phát triển đô thị đối với chức năng và nhiệm vụ được giao.

### **11. Ủy ban nhân dân các xã**

Phối hợp, tham gia xây dựng các đồ án quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng của địa phương. Chủ trì rà soát triển khai quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn; xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch, quản lý kiến trúc các điểm dân cư nông thôn. Định kỳ rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, điều chỉnh, bổ sung những nội dung bất cập. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động, huy động sức mạnh nhân dân, huy động tốt các nguồn lực xã hội, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực thực hiện thành công xây dựng nông thôn mới, xây dựng nếp sống văn minh nông thôn.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- MT, HND, HLHPN, Đoàn thanh niên;
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Phụng**

**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025***(Ban hành kèm theo Đề án số 09/ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND huyện)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng và nguồn vốn				Dự kiến phân kỳ					
		Tổng	Ngân sách TW, tỉnh	Ngân sách huyện	DN, nhân dân	Cộng	2021	2022	2023	2024	2025
	<b>Tổng cộng</b>	<b>204.294</b>	<b>60.404</b>	<b>58.890</b>	<b>85.000</b>	<b>204.294</b>	<b>37.200</b>	<b>44.880</b>	<b>51.674</b>	<b>36.920</b>	<b>33.620</b>
1	Quy hoạch	7.850	1.850	6.000	0	7.850	2.700	2.700	1.950	500	0
2	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	188.254	58.554	44.700	85.000	188.254	33.000	40.500	47.954	34.700	32.100
3	Dịch vụ công ích và nội dung khác	8.190	0	8.190	0	8.190	1.500	1.680	1.770	1.720	1.520

## Phụ lục 2

**ĐẦU TƯ LẬP CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH 2021-2025***(Ban hành kèm theo Đề án số 09 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND huyện)*

STT	Tên dự án	Tổng và nguồn vốn				Dự kiến phân kỳ					
		Tổng	NS TW, tỉnh	NS huyện	Khác	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.850</b>	<b>1.850</b>	<b>6.000</b>	<b>0</b>	<b>7.850</b>	<b>2.700</b>	<b>2.700</b>	<b>1.950</b>	<b>500</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Cấp xã, thị trấn</b>	<b>4.600</b>	<b>100</b>	<b>4.500</b>	<b>0</b>	<b>4.600</b>	<b>2.100</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>500</b>	<b>0</b>
1	Quy hoạch chung xây dựng xã (9 xã) và lập quy chế quản lý quy hoạch	1.800	0	1.800	0	1.800	1.800	0	0	0	0
2	Quy hoạch các điểm dân cư nông thôn (9 điểm)	450	100	350	0	450	0	250	200	0	0
3	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Khe Tre	50		50	0	50	0	50	0	0	0
4	Quy hoạch chi tiết đô thị 1/500 (20 ha)	1.000		1.000	0	1.000	300	400	300	0	0
5	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Khe Tre	300	0	300	0	300	0	300	0	0	0
6	Thuê tư vấn nghiên cứu Đồ án Quy hoạch mở rộng thị trấn Khe Tre	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	500	500	0
<b>II</b>	<b>Quy hoạch cấp huyện</b>	<b>3.250</b>	<b>1.750</b>	<b>1.500</b>	<b>0</b>	<b>3.250</b>	<b>600</b>	<b>1.700</b>	<b>950</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện	1.750	1.750	0	0	1.750	300	1.000	450	0	0
2	Quy hoạch sử dụng đất huyện	1.500	0	1.500	0	1.500	300	700	500	0	0

**ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ 2021-2025***(Ban hành kèm theo Báo cáo số 09 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND huyện)*

TT	Hạng mục	Tổng vốn và nguồn vốn				Dự kiến phân kỳ vốn					
		Tổng	NS tỉnh	NS huyện	DN và nhân dân	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
	<b>Tổng</b>	<b>188.254</b>	<b>58.554</b>	<b>44.700</b>	<b>85.000</b>	<b>188.254</b>	<b>33.000</b>	<b>40.500</b>	<b>47.954</b>	<b>34.700</b>	<b>32.100</b>
1	Đường nội thị Khu vực 4 giáp từ Đặng Hữu Khuê đến nhà ông Thừa	4.000	0	4.000	0	4.000	4.000	0	0	0	0
2	Chỉnh trang tuyến đường nội thị Tổ dân phố 1, 2 thị trấn Khe Tre	5.000	0	5.000	0	5.000	5.000	0	0	0	0
3	Nâng cấp hệ thống thoát nước thị trấn Khe Tre	6.600	6.600	0	0	6.600	0	2.000	2.000	2.000	600
4	Hạ tầng khu dân cư ven sông Tả Trạch, thị trấn Khe Tre (giai đoạn 1)	9.500	0	9.500	0	9.500	0	0	3.000	3.000	3.500
5	Kè chống sạt lở bờ sông Tả Trạch đoạn từ Trung tâm Y tế đến Le No	14.500	14.500	0	0	14.500	0	0	5.000	5.000	4.500
6	Đập tràn tạo mặt nước sinh thái khu vực cầu Khe Tre	1.200	0	1.200	0	1.200	0	0	0	1.200	0
7	Chỉnh trang vỉa hè, cây xanh khu trung tâm huyện	35.454	35.454	0	0	35.454	6.000	15.000	14.454	0	0
8	Nâng cấp, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị	22.000	0	22.000	0	22.000		5.500	5.500	5.500	5.500
9	Xây dựng mới nhà ở của nhân dân	75.000	0	0	75.000	75.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
10	Nâng cấp, sửa chữa nhà ở, hàng rào, cổng ngõ của nhân dân	5.000	0	0	5.000	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
11	Nâng cấp, sửa chữa, chỉnh trang trụ sở các cơ quan, cơ sở dịch vụ kinh doanh	10.000	2.000	3.000	5.000	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000

**ĐẦU TƯ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRẬT TỰ ĐÔ THỊ 2021-2025***(Ban hành kèm theo Báo cáo số 09 /ĐA-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 của UBND huyện)*

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn trung hạn			Dự kiến nguồn vốn theo năm (trđ)					
		Tổng	NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng	2021	2022	2023	2024	2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.190</b>	<b>-</b>	<b>8.190</b>	<b>8.190</b>	<b>1.500</b>	<b>1.680</b>	<b>1.770</b>	<b>1.720</b>	<b>1.520</b>
1	Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ quản lý quy hoạch, kiến trúc, đô thị ( 4 lớp)	60	-	60	60	-	30	30	-	-
2	Thay thế công tắc hệ thống điện chiếu sáng bằng công tắc cảm biến (30 cái)	60	-	60	60	-	60	-	-	-
3	Nâng cấp, thay thế hệ thống đèn trang trí	400	-	400	400	-	-	200	200	-
4	Sơn vạch kẻ đường, vạch giới hạn khu chức năng	50	-	50	50	-	30	20	-	-
5	Biển báo giao thông đô thị (40 biển)	40	-	40	40	-	40	-	-	-
6	Duy trì điện chiếu sáng	2.500		2.500	2.500	500	500	500	500	500
7	Duy trì, cắt tỉa cây xanh đô thị	2.500		2.500	2.500	500	500	500	500	500
8	Duy trì hệ thống thoát nước đô thị	2.500		2.500	2.500	500	500	500	500	500
10	Duy trì, kết nối hệ thống camera	80		80	80		20	20	20	20



**HIỆN TRẠNG ĐƯỜNG, VÍA HÈ, THOÁT NƯỚC, ĐIỆN CHIẾU SÁNG, CÂY XANH**

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Mặt cắt (tỷ lệ)	Mặt cắt QH (m)	Mặt đường, vỉa hè (m)	Chiều dài (km)	Đường nhựa (km)	Đường Bê tông (km)	Vỉa hè gạch Terrazzo (km)	Mương Thoát nước (km)	Điện chiếu sáng (km)	Cây xanh (km)	Đánh giá đạt chuẩn hạ tầng
1	Đường Khe Tre	Giáp xã Hương Phú	Giáp xã Hương Xuân	1-1	26	4 - 8 - 2 - 8 - 4	2,6	2,6		2,6	3	2,6	2,6	4/4
2	Đường Nội thị 1	Võ Hạp	Nguyễn Thế Lịch	2-2	19,5	4.5 - 10.5 - 4.5	1,2	1,2		0	1	1,2	1,2	3/4
	Đường Nội thị 2	Võ Hạp	Bé Văn Đán	5.5	11,5	2.5 - 6.5 - 2.5	1,1	1,1		1,1	1	1,1	1,1	4/4
4	Đường Tả Trạch	Ngã Tư đèn đỏ	Giáp xã Hương Lộc	1-1	26	4 - 8 - 2 - 8 - 4	1,1	1,1		1,1	1	1,1	1,1	4/4
5	Đường Võ Hạp	Ngã 3 đường Khe Tre	Giáp đường Bùi Quốc Hưng	3-3	16.5	3 - 10.5 - 3	0,5	0,5		0	1	0	0,2	3/4
6	Đường Trường Sơn Đông	Giáp xã Hương Phú	Ngã 3 Bé Văn Đán	2-2	19.5	4.5 - 10.5 - 4.5	1,1	1,1		0	1	0	1,1	2/4
7	Đường Bùi Quốc Hưng	Giáp xã Hương Phú	Giáp xã Hương Xuân	1-1	26	4 - 8 - 2 - 8 - 4	0,6		0,6	0	0	0,6	0	2/4
8	Đường Bé Văn Đán	Ngã 3 Võ Hạp	Ngã 3 đường Khe Tre (TL14B)	3-3	16.5	3 - 10.5 - 3	0,6	0,6		0,1	0	0,3	0,1	1/4
9	Đường Tô Vĩnh Diện	Ngã 3 đường Khe Tre (TL14B)	Ngã 3 Đường Trường Sơn Đông	4-4	13.5	3 - 7.5 - 3	0,2	0,2		0	0	0	0	0/4
10	Đường A Lon	Ngã 3 đường Khe Tre (TL14B)	Ngã 3 Đường Nội thị	4-4	13.5	3 - 7.5 - 3	0,1	0,1		0	0	0,1	0,1	2/4
11	Đường Nguyễn Thế Lịch	Ngã Tư đèn đỏ	Ngã 3 Đường Đại Hóa	1-1	26	4 - 8 - 2 - 8 - 4	0,6	0,6		0,6	0	0,6	0,6	3/4
12	Đường Đại Hóa	Ngã 3 đường Khe Tre (TL14B)	Đường Nguyễn Thế Lịch	3-3	16.5	3 - 10.5 - 3	0,7	0,7		0,7	0	0,7	0,7	4/4
13	Đường Phùng Đông	Ngã 3 Đường Nội thị	Giáp Đường Nguyễn Thế Lịch	3-3	16.5	3 - 10.5 - 3	0,3	0,3		0	0	0	0	0/4



**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THỊ TRẤN KHE TRE ĐẠT CHUẨN “VĂN MINH ĐÔ THỊ”***(Theo Thông tư 02/2013/BVHTT-DL và Công văn 1000/HD-SVHTT ngày 07/12/2016 của Sở VH và TT)*

		Điểm tối đa	Điểm tự chấm	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>200</b>	<b>158</b>	Đạt chuẩn khi tổng số điểm đạt $\geq 180$ điểm
	<b>Tiêu chuẩn 1. Quản lý kiến trúc, xây dựng đô thị theo quy hoạch</b>	<b>30</b>	<b>25,8</b>	<b>Diễn giải/tài liệu kiểm chứng</b>
<b>1.1</b>	Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chi tiết đô thị phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được công bố công khai rộng rãi;	05	3,3	-QH chung được phê duyệt tại QĐ 688/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh TTHue. Đã công khai QH. - QH chi tiết chưa thực hiện. Mức độ đạt 2/3 nội dung x 5 điểm
<b>1.2</b>	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo 90% trở lên các công trình công cộng về hành chính, văn hóa-xã hội và hạ tầng cơ sở đô thị;	05	4	70% các công trình theo quy hoạch được phê duyệt
<b>1.3</b>	Đạt 100% công trình công cộng xây mới (kể từ khi quy hoạch được phê duyệt) đúng quy hoạch, có kiến trúc hài hòa, đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;	05	4,5	Cơ bản đảm bảo
<b>1.4</b>	Thực hiện tốt trách nhiệm quản lý Nhà nước về xây dựng; phát huy vai trò tự quản cộng đồng trong việc thực hiện quy hoạch kiến trúc, xây dựng đô thị;	05	4,5	Các công trình xây dựng đều có GPXD, thiếu tổ chức tự quản.
<b>1.5</b>	Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình công cộng trên địa bàn, phục vụ lợi ích công cộng; không lấn chiếm, sử dụng diện tích đất công và công trình công cộng vào mục đích thương mại, nhà ở.	10	9,5	Đảm bảo theo quy định, không có tình hình sai phạm xảy ra.
<b>II</b>	<b>Tiêu chuẩn 2. Nâng cao chất lượng Gia đình văn hóa, Tổ dân phố văn hóa</b>	<b>45</b>	<b>33,5</b>	
<b>2.1</b>	80% trở lên gia đình được công nhận “Gia đình văn hóa” 03 (ba) năm liên tục trở lên;	10	9	Năm 2018:= 100 %, 2019= 98%. 2020= 98,4%
<b>2.2</b>	60% trở lên nhà ở của người dân được xây dựng mới, hoặc cải tạo, chỉnh trang, làm đẹp kiến trúc đô thị;	10	7	Mỗi năm trên địa bàn thị trấn có đến 50 hộ xây dựng mới và 40-50 hộ nâng cấp, sửa chữa. Còn nhiều nhà mặt tiền thiếu chỉnh trang làm đẹp.
<b>2.3</b>	80% trở lên tổ dân phố (hoặc tương đương) được công nhận “Tổ dân phố văn hóa” 06 (sáu) năm liên tục trở lên;	10	6	Chỉ có 03 TDP 5 đạt chuẩn 6 năm liên tục (60%)
<b>2.4</b>	100% tổ dân phố vận động được người dân tham gia bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở hạ tầng đô thị và đảm bảo vệ sinh môi trường;	05	04	Các TDP thường xuyên tham gia ngày CNX, tổng dọn VSMT. Người dân các TDP chủ động hiến đất, hiến cây để

				thực hiện nâng cấp cs hạ tầng đô thị
2.5	80% trở lên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa liên tục từ 05 (năm) năm trở lên.	10	7,5	- Cơ quan, đơn vị 100%, - Doanh nghiệp 50 %
<b>III</b>	<b>Tiêu chuẩn 3. Xây dựng nếp sống văn minh, môi trường văn hóa đô thị</b>	<b>45</b>	<b>36</b>	
3.1	Thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường sinh thái, trật tự an toàn đô thị, tích cực thực hiện nếp sống văn minh đô thị.	10	8	
3.2	80% trở lên hộ gia đình thực hiện tốt các quy định hiện hành về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và nếp sống văn minh đô thị;	10	8	Người dân không tổ chức tiệc cưới, việc tang nhiều ngày. Các lễ hội được tổ chức theo quy định
3.3	90% hộ gia đình không vi phạm các hành vi nghiêm cấm tại Quy định xây dựng nếp sống văn minh đô thị và nông thôn	20	16	
3.4	Xây dựng quan hệ cộng đồng thân thiện, đoàn kết giúp nhau “Xóa đói, giảm nghèo”; hợp tác phát triển kinh tế.	05	4	
<b>IV</b>	<b>Tiêu chuẩn 4. Xây dựng phong trào văn hóa, thể thao</b>	<b>40</b>	<b>27</b>	
4.1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm, ổn định về tổ chức, hoạt động thường xuyên, hiệu quả;	10	9	Trung tâm Văn hóa – TT. Thể thao huyện
4.2	80% trở lên tổ dân phố có điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao hoạt động thường xuyên; thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia;	10	5	4/5 có nhà sinh hoạt cộng đồng, không đủ diện tích để tổ chức văn hóa, thể thao; tổ chức không thường xuyên
4.3	Duy trì thường xuyên các hoạt động văn nghệ quần chúng, hoạt động câu lạc bộ; hoạt động thể dục thể thao; bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh; các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương;	10	5	Văn nghệ quần chúng chưa thường xuyên; chưa hình thành các câu lạc bộ; sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống còn ít
4.4	Thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội; đảm bảo an toàn giao thông; không phát sinh tệ nạn xã hội, trọng án hình sự.	10	8	
<b>V</b>	<b>Tiêu chuẩn 5. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương</b>	<b>40</b>	<b>36</b>	
5.1	95% trở lên hộ gia đình được phổ biến và nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; thực hiện tốt Chính sách Dân số - KHHGĐ	20	17	100% hộ gia đình trên địa bàn được phổ biến và thực hiện đúng chủ trương của Đảng, PL của NN.

<b>5.2</b>	100% tổ dân phố xây dựng và thực hiện tốt quy ước cộng đồng; có tổ tự quản hoạt động thường xuyên; mâu thuẫn, bất hòa được giải quyết tại cộng đồng; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp, trái pháp luật;	05	04	100% TDP xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước, không có khiếu kiện vượt cấp.
<b>5.3</b>	Tổ chức các hoạt động để nhân dân tham gia giám sát chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, đấu tranh phòng chống tham nhũng và thực hiện các chính sách xã hội;	05	05	
<b>5.4</b>	Xử lý kịp thời, dứt điểm các vi phạm pháp luật về quy hoạch, kiến trúc, xây dựng đô thị; không có công trình xây dựng vi phạm pháp luật nghiêm trọng đến mức phải cưỡng chế, tháo dỡ;	05	05	Các công trình đảm bảo theo quy định
<b>5.5</b>	Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ văn hóa được xây dựng theo quy hoạch, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật; không có cơ sở tàng trữ, lưu hành xuất bản phẩm có nội dung độc hại.	05	05	Đảm bảo theo quy hoạch, không có cs vi phạm

**ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÔ THỊ**  
**Thị trấn Khe Tre- huyện Nam Đông- Tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*(Theo Nghị quyết số 1210/UBTVQH13 của UBTV Quốc hội 13*  
*về phân loại đô thị)*

**I. Tổng hợp**

TT	Tên tiêu chí	Khung điểm	Điểm đánh giá	Nhận xét
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75-100</b>	<b>65,75</b>	Chưa đạt
Tiêu chí 1	Vị trí, chức năng, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế- xã hội	15- 20	17	Đạt
Tiêu chí 2	Quy mô dân số ( 3.735 người)	6-8	4	chưa đạt
Tiêu chí 3	Mật độ dân số (3.35 người/4,3km <sup>2</sup> )	4,5-6	3	chưa đạt
Tiêu chí 4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5-6	6	
Tiêu chí 5	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị	45-60	35,75	chưa đạt

**II. Đánh giá chi tiết**

**1. Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội (tối thiểu đạt 15 điểm, tối đa đạt 20 điểm): 17 điểm**

**1.1 - Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò (tối thiểu đạt 3,75 điểm, tối đa đạt 5,0 điểm): 5 điểm**

Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò	Khung điểm	Điểm đánh giá
Là trung tâm hành chính hoặc trung tâm tổng hợp cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	5,0	5,0
Là trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã	3,75	

**1.2 - Nhóm tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội :12 điểm (tối thiểu đạt 11,25 điểm, tối đa đạt 15 điểm)**

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Năm 2020	Khung điểm DT loại V	Điểm Đánh giá 2020

1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư		2,0	
		Đủ		1,0	
		Thiếu	Thu 3.36 tỷ đồng/ <b>chi hơn 10 tỷ đồng</b>	0	<b>0</b>
2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước	$\geq 0,7$	52,3tr	3,0	3,0
		$\leq 0,7$	Bình quân cả nước năm 2020 là 50,4 triệu đồng/người	2,0	
3	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế		Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (3,0 điểm)		
			Tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng hoặc tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản theo mục tiêu đề ra (2 điểm)		<b>2</b>
4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	10,1	$\geq 5,5$	<b>3,0</b>
		%		$< 5,5$	
5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	01	$\leq 5$	<b>2,0</b>
		%		$> 5$	
6	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học)	%	1,1	$\leq 1,2$	2,0
		%		$> 1,2$	

## 2. Tiêu chí 2. Quy mô dân số ( 6,0 - 8,0 điểm): 4 điểm

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Năm			Khung điểm	Điểm đánh giá
			2018	2019	2020		
	Dân số toàn đô thị	1.000 người			3.735 (Trang 34-NGTK 2020)	Từ 4.000 người đến 50.000 người: tối thiểu đạt 6,0 điểm, tối đa đạt 8,0 điểm.	<b>4</b>

**3. Tiêu chí 3. Mật độ dân số (4,5 -6,0 điểm): 3 điểm**

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Năm 2020	Điểm năm 2020	
				Mức	Điểm
1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km <sup>2</sup>	3.735/4,35=869người/km <sup>2</sup>	< 1.200	<b>3</b>
				≥ 1.200	
				≥ 2.000	
				≥ 3.000	

**4. Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (4,5- 6,0 điểm): 6 điểm**

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Năm 2020	Mức điểm ĐT loại V	Điểm đánh giá năm 2020
1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	≥ 55%		4,5	
		≥ 60%		5	
		≥ 65%	1997/2.173*100=91,9% Số liệu Chi cục TK tính.	6	<b>6</b>

**5. Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị (45 -60 điểm): 47 điểm****5.1. Khu vực nội thị ( 36-48 điểm): 35 điểm**

TT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Năm 2020	Khung điểm ĐT loại V	Điểm Đánh giá 2020
<b>I</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội (7,5 – 10 điểm)</b>				<b>9,25</b>
<b>1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về nhà ở (1,5-2 điểm)</b>				<b>1,75</b>
1.1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m <sup>2</sup> sàn /người		≥ 29	
			10	26÷< 29	0,75



1.2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	%	95	$\geq 90$	1,0
				$85 \div < 90$	
<b>2 Các tiêu chuẩn về công trình công cộng (6 -8 điểm)</b>					<b>7,5</b>
2.1	Đất dân dụng <sup>(4)</sup>	m <sup>2</sup> /người	413	$\geq 78$	1,0
				$61 \div < 78$	
2.2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị	m <sup>2</sup> /người	$22.800/3.735=$ 6,1	$\geq 3,5$	1,0
				$3 \div < 3,5$	
2.3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở	m <sup>2</sup> /người	1,8	$\geq 1,5$	1,0
				$1,0 \div < 1,5$	
2.4	Cơ sở y tế cấp đô thị	giường /1.000 dân		$\geq 2,8$	
			2,5	$2,4 \div < 2,8$	0,75
2.5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	cơ sở	3	$\geq 2$	1,0
				1	
2.6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	2	$\geq 2$	1,0
				1	
2.7	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị	công trình	2	$\geq 2$	1,0
				1	
2.8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	2	$\geq 2$	
				1	0,75
<b>II Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật ( 10,5 điểm -14 điểm)</b>					<b>9,75</b>
<b>1 Các tiêu chuẩn về giao thông ( cao nhất 4,5- 6 điểm)</b>					<b>3</b>
1.1	Đầu mối giao thông	cấp		Vùng liên huyện	
				III	Huyện

1.2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	%			$\geq 16$	
				5	$11 \div < 16$	0,75
1.3	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,5m$ )	km/km <sup>2</sup>	14,4 km/ 4,35 km <sup>2</sup> =3,3		$\geq 8$	
					$6 \div < 8$	
				3,3	$< 6$	0
1.4	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m <sup>2</sup> /người	190634 m <sup>2</sup> /3.735 =6,1		$\geq 7$	
					$5 \div < 7$	0,75
					$< 5$	
1.5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%			$\geq 2$	
				1	$1 \div < 2$	0,75
<b>2 Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng( 2,25- 3 điểm)</b>						<b>2,0</b>
2.1	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/ năm		521,1	$\geq 350$	1,0
					$250 \div < 350$	
2.2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%		97	$> 90$	1,0
					$80 \div < 90$	
2.3	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%			$\geq 70$	
					$50 \div < 70$	
				25	$< 50$	0
<b>3 Các tiêu chuẩn về cấp nước (2,25-3 điểm)</b>						<b>2,75</b>
3.1	Cấp nước sinh hoạt	lít/người/ ngày đêm			$\geq 100$	
				40	$< 100$	0,75
3.2	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%		98	$\geq 95$	2,0
					$< 95$	

<b>4</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông (1,5-2 điểm)</b>					<b>2,0</b>
1	Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động)	Số thuê bao internet/100 dân	50	$\geq 20$	1,0	
				$15 \div < 20$		
2	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số	%	100	$\geq 90$	1,0	
				$85 \div < 90$		
<b>III</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</b>					<b>11,5</b>
<b>1</b>	<b>Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng (2,25-3 điểm)</b>					<b>2</b>
1.1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km <sup>2</sup>		$\geq 3$		
				$2,5 \div < 3$		
			9km/4,35 km <sup>2</sup> =2,06	$< 2,5$	<b>1,0</b>	
1.2	Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	Đang triển khai thực hiện		1,0	
			Có giải pháp			
<b>2</b>	<b>Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải (3,75- 5 điểm)</b>					<b>3,75</b>
2.1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%		$\geq 85$		
			0	$70 \div < 85$	<b>0,75</b>	
2.2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%		$\geq 15$		
				$10 \div < 15$		
				$< 10$	<b>0</b>	
2.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	98	$\geq 70$	1,0	
				$60 \div < 70$		
2.4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải	%	100	$\geq 65$	1,0	
				$60 \div < 65$		

2.5	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	%	100	$\geq 90$	1,0
				$85 \div < 90$	
<b>3 Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ (1,5-2 điểm)</b>					<b>0</b>
3.1	Nhà tang lễ	cơ sở		$\geq 1$	
			0	Có dự án	
				Không có dự án	<b>0</b>
3.2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%		5	
			0	Không	<b>0</b>
<b>4 Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị (3-4 điểm)</b>					<b>3,0</b>
4.1	Đất cây xanh toàn đô thị	m <sup>2</sup> /người	1.560.000m <sup>2</sup> / 4.085=381	$\geq 7$	2
4.2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	m <sup>2</sup> /người		$\geq 4$	
			02	$3 \div < 4$	
			2	$< 3$	<b>1</b>
<b>IV</b>	<b>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị (7,5-10 điểm)</b>				<b>4,5</b>
1.	Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	Quy chế	Đã có quy chế được ban hành tối thiểu 2 năm, thực hiện tốt quy chế (2 điểm)		
			Đã có quy chế (1,5 điểm)		
			Chưa có quy chế		<b>0</b>
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	$\geq 30$ (2điểm)		
			$20 \div < 30$ (1,5 điểm)		

			<10		0
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị	Dự án	4	Có dự án	2,0
				Có quy hoạch chung	
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	Khu	2	$\geq 2$	
				1	1
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Cấp	cấp quốc gia		
			cấp tỉnh (nhà VH DT Cơ Tu)		1,5

**5.2. Vùng ngoại thị: (9 đến 12 điểm): không có được tính 12 điểm**